

**ĐỀ ÁN**

**Sắp xếp các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quản lý**

Thực hiện Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 09/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kết luận số 121-KL/TU ngày 20/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai tại Hội nghị lần thứ 12; Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Đề án sắp xếp các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quản lý, cụ thể như sau:

**A. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**

**I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ**

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước;

- Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

- Kết luận số 103-KL/TW ngày 02/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

- Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết và tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW trong lĩnh vực sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước;

- Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 09/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kết luận số 121-KL/TU ngày 20/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai tại Hội nghị lần thứ 12.

## II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;
- Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025;
- Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14/6/2025;
- Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp;
- Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12/01/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp;
- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 99/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;
- Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước;
- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 10/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo kết luận của Bộ Chính trị.

## B. THỰC TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP

### I. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP

#### 1. Về mô hình tổ chức

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 14 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp (sau đây gọi là Công ty lâm nghiệp), với tổng số 484 lao động. Trong đó đội ngũ quản lý doanh nghiệp có 43 người, gồm: 03 Chủ tịch Công ty, 03

Giám đốc, 11 Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, 13 Phó Giám đốc và 13 Kế toán trưởng; Kiểm soát viên 03 người; lực lượng người lao động trực tiếp là 438 người.

Các Công ty lâm nghiệp được tổ chức theo mô hình Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Ban Kiểm soát, phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

- Nhóm 03 Công ty lâm nghiệp trên địa bàn phía Đông tỉnh Gia Lai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh là chính (sau đây gọi là các Công ty lâm nghiệp sản xuất kinh doanh), gồm các Công ty TNHH Lâm nghiệp: Quy Nhơn, Hà Thanh, Sông Kôn; hoạt động theo mô hình Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Ban Kiểm soát.

- Nhóm 11 Công ty lâm nghiệp trên địa bàn phía Tây tỉnh Gia Lai thực hiện nhiệm vụ công ích quản lý, bảo vệ rừng theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch hàng năm là chính (sau đây gọi là các Công ty lâm nghiệp công ích), gồm các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Đăk Roong, Hà Nùng, Ia Pa, Ka Nák, Kông Chiêng, Kông Chro, Kông H'ê, Krông Pa, Lơ Ku, Sơ Pai, Trạm Lập. Các Công ty lâm nghiệp công ích hoạt động theo mô hình Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, Ban Kiểm soát; tuy nhiên hiện nay các Công ty này chưa được bố trí Kiểm soát viên.

## 2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả sản xuất, kinh doanh

### 2.1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

**Bảng 1. Tổng hợp các chỉ tiêu đánh giá tình hình bảo toàn và phát triển vốn của các Công ty lâm nghiệp năm 2025**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Năm 2025 so với (%)	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Vốn chủ sở hữu (MS 410)	306.415,11	247.853,14	311.099,66	101,53	125,52
-	Vốn góp của chủ sở hữu	288.514,52	262.488,69	288.482,52	99,99	109,90
-	Quỹ Đầu tư phát triển	14.880,48	18.941,08	21.300,67	143,15	112,46
-	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-
2	Tổng tài sản.	425.256,71	-	424.706,13	99,87	-
3	Lợi nhuận sau thuế	16.303,29	29.971,43	21.592,33	132,44	71,74
4	Hiệu quả sử dụng vốn:	-	-	-	-	-
-	Vốn chủ sở hữu bình quân	301.725,47	305.198,96	306.859,47	101,70	100,54
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE,%)	5,40	9,86	7,04	130,23	71,36
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA,%)	3,83	-	5,08	132,61	-

Theo báo cáo của các Công ty lâm nghiệp, năm 2025 có 12/14 doanh nghiệp bảo toàn vốn, việc sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp có hiệu quả; 02/14 doanh nghiệp chưa bảo toàn vốn, cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro: lỗ phát sinh năm 2025 là 999,54 triệu đồng. Theo báo cáo của Công ty, nguyên nhân lỗ năm 2025 do kinh phí đặt hàng quản lý bảo vệ rừng năm 2025 (nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu) giảm so với kế hoạch; nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không đủ để bù đắp chi phí quản lý bảo vệ rừng tự nhiên (chủ yếu để chi trả tiền lương và các khoản trích theo lương cho lực lượng bảo vệ rừng).

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông H'ê: kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 lãi 665,68 triệu đồng; tuy nhiên, lỗ lũy kế phát sinh từ năm 2023, 2024 còn 576,72 triệu đồng.

## 2.2. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính

*a) Về sản lượng sản xuất (hoặc lượng mua vào) trong kỳ, sản lượng tiêu thụ (hoặc lượng bán ra) trong kỳ, lượng tồn kho cuối kỳ của một số sản phẩm chủ yếu*

+ Nhóm 03 Công ty lâm nghiệp sản xuất kinh doanh: Tổng sản lượng khai thác gỗ rừng trồng sản xuất năm 2025 là 80.857,09 tấn, tăng 7,89% so với kế hoạch và tăng 19,04% so với cùng kỳ năm 2024.

+ Nhóm 11 Công ty lâm nghiệp công ích: Có 07/11 Công ty có thực hiện khai thác gỗ rừng trồng sản xuất trong năm 2025. Tổng sản lượng khai thác gỗ rừng trồng sản xuất năm 2025 là 32.228,27 m<sup>3</sup>, tăng 22,54% so với kế hoạch và tăng 57,29% so với cùng kỳ năm 2024.

*b) Về các chỉ tiêu tài chính*

**Bảng 2. Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính của các Công ty lâm nghiệp năm 2025**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Năm 2025 so với (%)	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
1	DT thuần về bán hàng và CCDV	189.325,23	232.305,88	227.690,66	120,26	98,01
2	Giá vốn hàng bán	136.685,95	158.661,96	164.815,87	120,58	103,88
3	LN gộp về bán hàng và CCDV	52.639,34	73.643,92	62.874,69	119,44	85,38
4	Doanh thu hoạt động tài chính	7.075,71	4.509,00	4.945,42	69,89	109,68
5	Chi phí tài chính	1.066,85	160,00	530,02	49,68	331,26
6	Chi phí bán hàng	215,00	-	226,00	105,12	-
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.785,81	43.365,54	43.919,41	110,39	101,28

8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.645,39	35.249,55	23.144,78	124,13	65,66
9	Thu nhập khác	1.915,40	1.322,36	1.596,36	83,34	120,72
10	Chi phí khác	701,72	268,06	202,73	28,89	75,63
11	Lợi nhuận khác	1.057,80	1.057,36	1.379,63	130,42	130,48
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.860,07	37.075,58	24.538,41	123,56	66,18
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.556,68	6.950,41	2.946,08	82,83	42,39
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	16.303,29	30.096,17	21.592,33	132,44	71,74

b1) Doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm trong kỳ

- Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 là 227.690,66 triệu đồng, đạt 98,01% kế hoạch năm (giảm 1,99% so với kế hoạch) và tăng 20,26% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó:

+ Có 07/14 Công ty lâm nghiệp đạt và vượt so với kế hoạch, gồm: Sông Kôn vượt 6,35%, Hà Thanh vượt 5,19%, Quy Nhơn vượt 7,51%, Đắk Roong vượt 20,17%, Hà Nừng vượt 34,02%, Sơ Pai vượt 37,23%, Tràm Lập vượt 13,56% so với kế hoạch.

+ Có 07/14 Công ty lâm nghiệp đạt doanh thu thấp hơn so với kế hoạch, chủ yếu do nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng bảo vệ rừng thấp hơn so với kế hoạch đề ra, gồm: Ia Pa đạt 55,28%, Ka Nák đạt 61,97%, Kông H'đe đạt 51,06%, Kông Chiêng đạt 98,83%, Kông Chro đạt 65,61%, Krông Pa đạt 69,16%, Lơ Ku đạt 80,30% kế hoạch.

- Giá vốn hàng bán năm 2025 là 164.815,75 triệu đồng, vượt 3,88% so với kế hoạch năm và tăng 20,58% so với cùng kỳ năm 2024.

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 là 62.874,69 triệu đồng, đạt 85,38% kế hoạch năm (giảm 14,62% so với kế hoạch) và tăng 19,44% so với cùng kỳ năm 2024.

b2) Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2025 là 4.945,42 triệu đồng, đạt 109,68% kế hoạch năm (vượt 9,68% so với kế hoạch) và giảm 30,11% so với cùng kỳ năm 2024.

- Chi phí tài chính năm 2025 là 530,02 triệu đồng, đạt 331,26% kế hoạch năm (vượt 231,26% so với kế hoạch) và giảm 50,32% so với cùng kỳ năm 2024. Chi phí tài chính chủ yếu phát sinh ở một số Công ty lâm nghiệp như: Kông Chro 149,02 triệu đồng, Quy Nhơn 216,00 triệu đồng, Sông Kôn 165,00 triệu đồng.

b3) Thu nhập và chi phí khác

- Thu nhập khác năm 2025 là 1.596,36 triệu đồng, đạt 120,72% kế hoạch năm (vượt 20,72% so với kế hoạch) và giảm 16,66% so với cùng kỳ năm 2024.

- Chi phí khác năm 2025 là 202,73 triệu đồng, đạt 75,63% kế hoạch năm (giảm 24,37% so với kế hoạch) và giảm 71,11% so với cùng kỳ năm 2024.

#### b4) Kết quả kinh doanh

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2025 là 24.538,41 triệu đồng, đạt 66,18% kế hoạch năm (giảm 33,82% so với kế hoạch) và tăng 23,56% so với cùng kỳ năm 2024.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 là 21.592,33 triệu đồng, đạt 71,74% kế hoạch năm (giảm 28,26% so với kế hoạch) và tăng 32,44% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó:

+ Có 07/14 Công ty lâm nghiệp đạt và vượt so với kế hoạch gồm: Hà Thanh vượt 25,06%, Quy Nhơn 0,75%, Đăk Roong 310,45%, Hà Nừng 6,19%, Kông H' đê 33,42%, Sơ Pài 4,36%, Trạm Lập 8,4% so với kế hoạch.

+ Có 07/14 Công ty lâm nghiệp thấp hơn so với kế hoạch, gồm: Sông Kôn đạt 64,32%, Ia Pa đạt 16,65%, Ka Nák đạt 2,88%, Kông Chiêng đạt 3,72%, Krông Pa đạt 2,35%. Lơ Ku đạt 21,31% kế hoạch; Kông Chro lỗ.

- Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là 7,04%, đạt 71,36% kế hoạch và tăng 30,23% so với cùng kỳ năm 2024.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là 5,08%, tăng 32,61% so với cùng kỳ năm 2024.

### 2.3. Đánh giá đất lâm nghiệp được giao cho các Công ty lâm nghiệp

#### a) Về tổng diện tích đất được giao quản lý

Đối với nhóm Công ty lâm nghiệp sản xuất kinh doanh, **tổng diện tích đất được giao quản lý khoảng 37.277,92 ha**, chiếm khoảng 21,8% tổng diện tích đất giao cho các Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó, diện tích **đất công ích là 30.484,89 ha**, chiếm 81,77%; diện tích **đất sản xuất kinh doanh là 6.259,40 ha**, chiếm 16,79%; và diện tích đất khác (đất trụ sở, trạm bảo vệ rừng...) là 533,63 ha, chiếm khoảng 1,43%. Phần lớn diện tích còn lại của các Công ty là đất có rừng tự nhiên và đất rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu đất lâm nghiệp.

Đối với nhóm Công ty lâm nghiệp công ích, **tổng diện tích đất được giao quản lý khoảng 133.804,88 ha<sup>1</sup>**, gấp khoảng 3,6 lần so với nhóm Công ty lâm nghiệp sản xuất kinh doanh. Trong đó, diện tích **đất công ích là 125.362,44 ha**, chiếm 93,69%; diện tích **đất sản xuất kinh doanh là 7.870,35 ha**, chiếm 5,88%; và diện tích đất khác là 447,17 ha, chiếm khoảng 0,33%. Diện tích đất sản xuất kinh doanh trong nhóm này tập trung chủ yếu tại một số Công ty như: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro với 2.757,12 ha, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp

<sup>1</sup> Bao gồm diện tích đã chuyển đổi thành rừng đặc dụng, dự kiến chuyển giao cho Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chu Răng theo Quyết định số 2538/QĐ-UBND của UBND tỉnh là 23.058,5 ha

Lơ Ku với 2.557,88 ha và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chiêng với 1.042,22 ha. Các Công ty còn lại có diện tích sản xuất kinh doanh nhỏ, chủ yếu phục vụ hoạt động trồng rừng, chăm sóc rừng trồng và hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ công ích trong quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên.

### ***b) Về Phương án quản lý rừng bền vững***

Thực hiện Luật Lâm nghiệp và các Thông tư hướng dẫn về quản lý rừng bền vững, đến nay Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là UBND tỉnh) đã phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững cho 14/14 Công ty lâm nghiệp, cụ thể:

- Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn được phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020-2025.

- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh được phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2026-2035.

- Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn được phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020-2026.

- 11 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Hà Nùng, Đăk Roong, Trạm Lập, Sơ Pai, Lơ Ku, Krông Pa, Kông Chro, Kông H' de, Ia Pa, Ka Nák và Kông Chiêng được phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030.

## **2.4. Đánh giá hiệu quả công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng của các Công ty lâm nghiệp cho người dân**

### ***a) Kết quả thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng***

Thời gian qua, các Công ty lâm nghiệp đã chú trọng triển khai chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số theo Tiểu dự án 1, Dự án 3 - Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; gắn người dân sống gần rừng với công tác bảo vệ rừng, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, xóa đói giảm nghèo, từ đó nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện tốt Chiến lược phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh.

Các đơn vị chủ rừng, địa phương triển khai đồng bộ, đúng quy định về trình tự, thủ tục thực hiện, đối tượng khoán, thời hạn, hạn mức và đơn giá khoán theo quy định tại Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước, Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm và các chính sách hiện hành khác.

Trong năm 2025, các Công ty lâm nghiệp đã thực hiện khoán bảo vệ rừng 19.669,85 ha, cụ thể:

- Diện tích thực hiện khoán bảo vệ rừng của 03 Công ty lâm nghiệp sản xuất kinh doanh là 10.077,01 ha.

- Diện tích thực hiện khoán bảo vệ rừng của 11 Công ty lâm nghiệp công ích là 9.592,84 ha.

Các Công ty lâm nghiệp thực hiện ký hợp đồng khoán với các hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư trên địa bàn theo chu kỳ hằng năm. Trong quá trình nhận khoán các hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư cơ bản thực hiện nghiêm túc theo hợp đồng, không xảy ra vi phạm.

### ***b) Đánh giá tình hình thực hiện hợp đồng***

b1) Đánh giá việc chấp hành các điều khoản về quyền lợi và trách nhiệm của bên nhận khoán

Nhìn chung, Bên giao khoán (Công ty lâm nghiệp) và Bên nhận khoán (hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng) đã thực hiện nghiêm túc các điều khoản về quyền lợi và trách nhiệm theo Hợp đồng đã ký kết. Hằng năm, Công ty lâm nghiệp phối hợp với Hạt Kiểm lâm và UBND xã tiến hành nghiệm thu đảm bảo theo đúng quy định.

Tuy nhiên, một số hộ gia đình, cộng đồng tham gia nhận khoán chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ diện tích rừng được nhận khoán (chưa chủ động tuần tra, kiểm tra rừng; chưa kịp thời phát hiện, tố giác các đối tượng vi phạm Luật Lâm nghiệp).

b2) Các biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm hợp đồng

Tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn: Từ năm 2023-2025 đã xử lý 17 trường hợp vi phạm hợp đồng giao khoán (cụ thể bằng hình thức chấm dứt hợp đồng).

### ***c) Kết quả đánh giá nghiệm thu***

Đa số diện tích giao khoán bảo vệ rừng hằng năm được các Công ty lâm nghiệp phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra, nghiệm thu 100% diện tích; trừ những diện tích phá rừng, sai khác hiện trạng rừng so với kết quả theo dõi diễn biến rừng được UBND tỉnh phê duyệt, Công ty đã phối hợp với cơ quan chức năng lập hồ sơ, với diện tích là 9,95 ha.

## **3. Kết quả đạt được**

Qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014, Kết luận số 82-KL/TW ngày 10/8/2020 của Bộ Chính trị, cùng với Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1831/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015 (đối với các công ty lâm nghiệp công ích) và Văn bản số 1548/TTg-ĐMDN ngày 01/9/2015 (đối với các công ty lâm nghiệp sản xuất kinh doanh), công tác sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, cụ thể:

- Nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, đơn vị, địa phương, đảng viên, người dân và các Công ty lâm nghiệp được nâng lên rõ rệt. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc chỉ đạo, định hướng và giám sát quá trình sắp xếp, đổi mới được phát huy hiệu quả. Các Công ty lâm nghiệp từng bước ổn định mô hình tổ

chức, kiện toàn bộ máy quản trị, duy trì hoạt động ổn định, bảo toàn vốn chủ sở hữu và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, chính sách của Nhà nước.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty lâm nghiệp được duy trì và có bước phát triển tích cực. Doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước cơ bản tăng qua các năm, góp phần ổn định việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Nhiều đơn vị đã chủ động đổi mới phương thức quản lý, áp dụng tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất, gắn hoạt động kinh doanh với nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng có nhiều chuyển biến tích cực. Các Công ty lâm nghiệp đã hoàn thành việc đo đạc, cắm mốc, phân định ranh giới ngoài thực địa, giao trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị, từng khu vực rừng. Việc khoán bảo vệ rừng và chi trả dịch vụ môi trường rừng được triển khai thực hiện hiệu quả, góp phần bảo vệ rừng tự nhiên, phòng cháy chữa cháy rừng, duy trì ổn định sinh thái và an ninh vùng biên.

- Ngoài ra, các Công ty lâm nghiệp đã chuyển giao phần diện tích đất không còn nhu cầu sử dụng về cho địa phương quản lý, tạo điều kiện giải quyết đất sản xuất cho người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Nhờ đó, hiệu quả quản lý, sử dụng đất rừng được nâng cao, hạn chế tình trạng lấn chiếm, tranh chấp, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự tại cơ sở.

- Thực hiện Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn về quản lý rừng bền vững, đến nay 100% Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững, đảm bảo việc quản lý, sử dụng rừng và đất rừng đúng quy định. Việc triển khai các phương án này đã giúp nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và gắn kết phát triển lâm nghiệp bền vững với sinh kế của cộng đồng dân cư sống gần rừng.

Nhìn chung, sau khi thực hiện Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các Công ty lâm nghiệp đã từng bước củng cố mô hình hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và quản lý tài nguyên rừng, phát huy vai trò nòng cốt trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và ổn định đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

##### **4.1. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần được quan tâm khắc phục, cụ thể:

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các Công ty lâm nghiệp công ích còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực được giao. Mặc dù được Bộ Tài chính bổ sung vốn điều lệ năm 2017<sup>2</sup> để đầu tư trồng rừng sản xuất, song kết quả thực hiện chưa

<sup>2</sup> Có 10 Công ty lâm nghiệp được bổ sung vốn điều lệ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo Quyết định số 1697/QĐ-BTC ngày 26/9/2018 của Bộ Tài chính với tổng kinh phí là 107.694,8 triệu đồng (trừ Công ty

mang lại hiệu quả cao; năng suất và hiệu quả kinh tế thấp, chưa hình thành được chuỗi giá trị trong sản xuất lâm nghiệp.

- Các Công ty lâm nghiệp sản xuất kinh doanh sử dụng vốn tương đối hiệu quả, song vẫn phải chia sẻ một phần nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng tự nhiên được giao, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và khả năng mở rộng đầu tư. Trong khi đó, nhu cầu vốn đầu tư phát triển rừng sản xuất, đổi mới công nghệ, liên kết chế biến và tiêu thụ sản phẩm ngày càng tăng, nhưng nguồn vốn tự có hạn chế, khó tiếp cận các nguồn tín dụng ưu đãi, dẫn đến quy mô sản xuất chưa mở rộng, giá trị gia tăng chưa cao.

- Một số Công ty lâm nghiệp còn phụ thuộc vào nguồn thu từ ngân sách nhà nước và chi trả dịch vụ môi trường rừng, chưa chủ động đổi mới phương thức quản trị, chưa mạnh dạn chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, liên kết sản xuất - chế biến, nâng cao giá trị gia tăng.

- Việc ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến trong sản xuất còn hạn chế. Hiệu quả sử dụng đất và tài nguyên rừng chưa cao, chưa hình thành được các vùng sản xuất nông - lâm sản hàng hóa tập trung, thâm canh gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ ổn định.

- Quy mô sản xuất nhỏ, manh mún diện tích rừng do mỗi Công ty quản lý phân tán, không liền vùng. Khó áp dụng cơ giới hóa và công nghệ lâm nghiệp hiện đại. Khó tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị lâm nghiệp.

- Áp lực quản lý, bảo vệ rừng của các Công ty lâm nghiệp ngày càng lớn do diện tích được giao chủ yếu là rừng tự nhiên, địa bàn rộng, địa hình phức tạp, trong khi nguồn lực về nhân lực, kinh phí và phương tiện còn hạn chế. Vấn đề xử lý đất bị lấn chiếm, xâm canh còn nhiều lúng túng, chưa có chính sách cụ thể, dẫn đến tình trạng tranh chấp kéo dài, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự.

- Một số Công ty lâm nghiệp chưa thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm đã được UBND tỉnh phê duyệt; vẫn xảy ra tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng tại một số lâm phần do các Công ty quản lý, bảo vệ. Cá biệt, có lãnh đạo, cán bộ quản lý của Công ty lâm nghiệp vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ, phải xem xét, xử lý kỷ luật.

- Lực lượng lao động trực tiếp làm công tác quản lý, bảo vệ rừng còn thiếu, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu; nhiều trường hợp được tuyển dụng không đủ tiêu chí lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách.

- Bộ máy tổ chức của nhiều Công ty lâm nghiệp chưa được kiện toàn; nhất là các Công ty lâm nghiệp công ích, thiếu vị trí Kiểm soát viên và một số chức danh quản lý doanh nghiệp trong thời gian dài.

- Bộ máy quản lý công kênh, chồng chéo, nhiều Công ty lâm nghiệp có quy mô nhỏ nhưng bộ máy quản lý lớn. Chi phí quản lý cao nhưng hiệu quả thấp. Năng suất lao động thấp, lao động nhiều nhưng hiệu quả không cao. Trình độ kỹ thuật lâm nghiệp còn hạn chế.

## 4.2. Nguyên nhân

### a) Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống chính sách, pháp luật về đất đai, lâm nghiệp mặc dù đã được hoàn thiện nhưng còn một số bất cập, chông chéo. Việc triển khai Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp ở địa phương còn thiếu đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong xử lý các trường hợp lấn chiếm, tranh chấp đất rừng.

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng còn hạn chế, phân bổ chậm, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế cho công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Địa bàn hoạt động của các Công ty lâm nghiệp chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, dân cư thưa, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, tập quán canh tác còn lạc hậu; đời sống người dân phụ thuộc nhiều vào rừng nên tình trạng xâm canh, lấn chiếm đất rừng vẫn diễn ra phức tạp.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng chưa ổn định, giá bán thấp, trong khi chi phí sản xuất và chăm sóc rừng tăng cao, làm giảm hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp.

### b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số Công ty lâm nghiệp công ích sau khi được Nhà nước bổ sung vốn điều lệ để đầu tư trồng rừng sản xuất chưa sử dụng vốn hiệu quả, hiệu suất sinh lời thấp; nguồn lực tài chính còn phân tán, áp lực quản lý, bảo vệ rừng lớn trong khi năng lực nội tại hạn chế.

- Một số Công ty lâm nghiệp sản xuất kinh doanh cơ bản sử dụng vốn hiệu quả hơn nhưng vẫn phải chia sẻ nguồn lực cho nhiệm vụ công ích, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng đầu tư, tái sản xuất và phát triển thị trường.

- Một số Công ty lâm nghiệp còn tư tưởng trông chờ, phụ thuộc vào nguồn thu ngân sách và dịch vụ môi trường rừng, chưa chủ động đổi mới phương thức quản trị, chưa phát huy tiềm năng đất đai và lợi thế ngành nghề.

- Công tác tổ chức bộ máy, nhân sự chưa được kiện toàn; nhiều đơn vị thiếu Kiểm soát viên; năng lực đội ngũ cán bộ, đặc biệt là người đứng đầu chưa đáp ứng yêu cầu quản lý mới.

- Lực lượng bảo vệ rừng mỏng, chưa được đào tạo bài bản, trong khi diện tích quản lý lớn, địa bàn phức tạp, thu nhập thấp nên hiệu quả quản lý, tuần tra, bảo vệ rừng còn hạn chế.

- Việc ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất và quản lý rừng chưa được chú trọng, chưa hình thành được vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hoạt động liên doanh, liên kết trong sản xuất lâm nghiệp còn ít, quy mô nhỏ, hiệu quả chưa cao.

- Công tác xử lý các trường hợp đất bị lấn chiếm, xâm canh còn lúng túng, thiếu cơ chế và chính sách cụ thể, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh điểm nóng, gây khó khăn cho nhiệm vụ bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng.

## II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP

Việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh là yêu cầu khách quan và cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, xuất phát từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn quản lý, sử dụng rừng và đất rừng trên địa bàn tỉnh.

Việc tổ chức sắp xếp các Công ty lâm nghiệp là bước đi để cụ thể hoá các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp gắn với quản lý, sử dụng rừng và đất rừng bền vững theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Quá trình triển khai sắp xếp, đổi mới các Công ty lâm nghiệp theo các Phương án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tuy đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định về mô hình tổ chức, cơ cấu quản lý, năng lực tài chính, hiệu quả sản xuất kinh doanh và công tác quản lý, bảo vệ rừng của các Công ty. Một số Công ty lâm nghiệp công ích chưa phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư, hiệu suất sử dụng đất rừng còn thấp, chưa tự chủ về tài chính, vẫn phụ thuộc vào nguồn hỗ trợ ngân sách và dịch vụ môi trường rừng. Trong khi đó, các Công ty lâm nghiệp sản xuất kinh doanh tuy có hiệu quả hơn nhưng quy mô vốn còn nhỏ, nhu cầu đầu tư lớn trong khi khả năng huy động nguồn lực còn hạn chế, ảnh hưởng đến năng lực mở rộng sản xuất, chế biến, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sử dụng rừng trồng.

Việc sắp xếp các Công ty lâm nghiệp là cơ sở để tạo bước chuyển căn bản về phương thức tổ chức, quản lý và quản trị doanh nghiệp. Qua đó, hình thành các đơn vị có quy mô hợp lý, có sự liên kết vùng, đủ năng lực tài chính, quản lý và sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng hợp tác công - tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, số hóa quản lý tài nguyên rừng, hướng đến xây dựng ngành kinh tế lâm nghiệp hiện đại, hiệu quả và thân thiện với môi trường.

Từ những lý do nêu trên, việc sắp xếp, đổi mới và phát triển các Công ty lâm nghiệp là yêu cầu khách quan, cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nhà nước, tăng cường năng lực quản lý, bảo vệ rừng, phát huy tiềm năng kinh tế rừng, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh sinh thái của tỉnh trong giai đoạn tới.

### C. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP

#### I. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển các Công ty lâm nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm quản lý, sử dụng rừng và đất rừng bền vững, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và yêu cầu thực tiễn phát triển ngành lâm nghiệp của tỉnh.

- Sáp nhập các Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh thành 01 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nhằm thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao quản lý bảo vệ, phát triển rừng tự nhiên, nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, định hình thương hiệu của tỉnh, trở thành trung tâm liên kết sản xuất lâm nghiệp, trung tâm kinh tế, khoa học - công nghệ và văn hóa trong vùng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh, quốc phòng và nâng cao đời sống người trồng rừng, người lao động trong ngành.

- Xây dựng phương án sắp xếp, bố trí đội ngũ lãnh đạo, quản lý bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, lựa chọn cán bộ có phẩm chất, năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu đổi mới; sắp xếp, bố trí người lao động phù hợp cơ cấu mới, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, ổn định tư tưởng, việc làm cho người lao động.

## II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP

### 1. Hình thức sắp xếp

Sắp xếp lại 14 Công ty lâm nghiệp theo hình thức: Sáp nhập 13 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Hà Thanh, Sông Kôn, Đăk Roong, Hà Nừng, Ia Pa, Ka Nák, Kông Chiêng, Kông Chro, Kông H'đe, Krông Pa, Lơ Ku, Sơ Pai, Trạm Lập (Công ty bị sáp nhập) vào Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn (Công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Công ty bị sáp nhập sang Công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của Công ty bị sáp nhập. Khi sáp nhập, Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn đổi tên thành Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai.

### 2. Thông tin doanh nghiệp sau sắp xếp

#### 2.1. Tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính sau sắp xếp

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai.
- Viết tắt: Công ty Lâm nghiệp Gia Lai.
- Địa chỉ trụ sở: Số 1134 đường Hùng Vương, Phường Quy Nhơn Bắc, Tỉnh Gia Lai (Trụ sở Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn hiện nay).
- Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
- Vốn điều lệ: Trên cơ sở tiếp nhận toàn bộ vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trên Báo cáo tài chính năm 2025 của 14 Công ty lâm nghiệp trước khi sắp xếp, tổng vốn điều lệ dự kiến của Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai là 309,783 tỷ đồng. Sau khi Đề án này được cấp có thẩm quyền phê duyệt, vốn điều lệ được xác định lại trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của các Công ty lâm nghiệp.

- Diện tích đất giao Công ty quản lý: 147.174,30 ha<sup>3</sup> (*Quy mô diện tích này có thể được rà soát, điều chỉnh và bổ sung trong quá trình thực hiện sắp xếp các*

<sup>3</sup> Trong đó không bao gồm diện tích đã chuyển đổi thành rừng đặc dụng, dự kiến chuyển giao cho Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng theo Quyết định số 2538/QĐ-UBND của UBND tỉnh là 23.058,5 ha và 850 ha RSX chuyển về UBND xã Đak Rong quản lý để thực hiện cho thuê rừng để trồng dược liệu dưới tán rừng theo quy định của pháp luật có liên quan.

*Ban quản lý rừng trên địa bàn, cũng như khi triển khai các chương trình, dự án đầu tư, hợp tác với các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan).*

## **2.2. Mô hình, cơ cấu tổ chức**

- Mô hình: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Cơ cấu tổ chức quản lý: Hội đồng thành viên, Giám đốc, Ban kiểm soát. Trong đó:

+ Hội đồng thành viên: Không quá 07 thành viên, trong đó 01 thành viên của Hội đồng thành viên (không phải là Chủ tịch Hội đồng thành viên) kiêm Giám đốc Công ty.

+ Phó Giám đốc Công ty: Không quá 03 người.

+ Kế toán trưởng Công ty: 01 người.

+ Ban Kiểm soát: 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 Kiểm soát viên.

## **2.3. Tổ chức bộ máy**

Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai chủ động xây dựng phương án sắp xếp tổ chức các phòng, chi nhánh trực thuộc theo quy định, đảm bảo hoạt động của Công ty sau sắp xếp tinh gọn, hiệu quả, cụ thể:

### **a) Khối hành chính, văn phòng**

\* Gồm 04 phòng, cụ thể:

(1) Phòng Tổ chức - Hành chính: Hợp nhất, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ và bộ máy thực hiện nhiệm vụ tổ chức, hành chính của các Công ty lâm nghiệp.

(2) Phòng Kế toán - Tài chính: Hợp nhất, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ và bộ máy thực hiện nhiệm vụ kế toán, tài chính của các Công ty lâm nghiệp.

(3) Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: Hợp nhất, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ và bộ máy thực hiện nhiệm vụ kế hoạch, kinh doanh của các Công ty lâm nghiệp.

(4) Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng: Hợp nhất, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ và bộ máy thực hiện nhiệm vụ kỹ thuật, tổng hợp, quản lý bảo vệ rừng của các Công ty lâm nghiệp.

\* Cơ cấu nhân sự của mỗi phòng, gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và lao động chuyên môn, nghiệp vụ. Số lượng lao động cụ thể của từng phòng do các Công ty lâm nghiệp thỏa thuận, thống nhất trước khi sáp nhập.

### **b) Bộ phận trực thuộc**

\* Gồm 04 chi nhánh hạch toán phụ thuộc, cụ thể:

(1) Chi nhánh Sông Kôn:

- Trên cơ sở nhập kế thừa, sắp xếp công việc, con người, diện tích quản lý của 03 Công ty: Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nùng.

- Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai (Trụ sở Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn hiện nay).

(2) Chi nhánh Hà Thanh:

- Trên cơ sở nhập kế thừa, sắp xếp công việc, con người, diện tích quản lý của 02 Công ty TNHH Lâm nghiệp: Hà Thanh và Quy Nhơn.

- Địa chỉ: Số 483 đường Quang Trung, Thôn Thịnh Văn 2, Xã Vân Canh, Tỉnh Gia Lai (Trụ sở Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh hiện nay).

(3) Chi nhánh Kbang:

- Trên cơ sở nhập kế thừa, sắp xếp công việc, con người, diện tích quản lý của 05 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Ka Nák, Lơ Ku, Krông Pa, Đăk Roong và Trạm Lập.

- Địa chỉ: Số 10 đường Hùng Vương, Xã Kbang, Tỉnh Gia Lai (Trụ sở Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nák hiện nay).

(4) Chi nhánh Kông Chro:

- Trên cơ sở nhập kế thừa, sắp xếp công việc, con người, diện tích quản lý của 04 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: Kông Chro, Kông H' de, Ia Pa và Kông Chiêng.

- Địa chỉ: Xã Kông Chro, Tỉnh Gia Lai (Trụ sở Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro hiện nay).

\* Bộ máy hoạt động của các chi nhánh do Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai quyết định trên cơ sở tiếp nhận người lao động, các trạm, đội quản lý bảo vệ rừng của các Công ty lâm nghiệp trước sáp nhập theo các quy định của pháp luật hiện hành.

\* Chức năng: Các chi nhánh có chức năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng; tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp; tổ chức triển khai các nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công về lâm nghiệp và các nhiệm vụ khác của Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai trên địa bàn được giao quản lý theo phân công, phân cấp của Công ty và theo quy định của pháp luật.

\* Nhiệm vụ của các chi nhánh:

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng tại địa bàn: trực tiếp bố trí, quản lý lực lượng tại chỗ; tổ chức tuần tra, kiểm tra, bảo vệ rừng; phát hiện, ngăn chặn, báo cáo kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên rừng; phối hợp với Hạt Kiểm lâm khu vực, chính quyền địa phương, lực lượng chức năng và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy rừng: xây dựng và tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch phòng cháy và chữa cháy rừng thuộc phạm vi địa bàn được giao; bố trí lực lượng, phương tiện, trực phòng cháy trong mùa khô; phối hợp với cơ quan kiểm lâm, chính quyền địa phương và các lực lượng có liên quan để xử lý kịp thời các tình huống cháy rừng, bảo đảm không để xảy ra bị động, gián đoạn trong chỉ huy, phối hợp và huy động lực lượng.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công về lâm nghiệp: làm đầu mối tổ chức triển khai tại địa bàn các nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công, nhiệm vụ được giao của Nhà nước thông qua Công ty, gồm: bảo vệ rừng; khoán bảo vệ

rừng; hỗ trợ bảo vệ rừng; các nội dung thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững; chi trả dịch vụ môi trường rừng và các nhiệm vụ lâm nghiệp khác theo quy định.

- Quản lý hồ sơ, tài nguyên rừng và theo dõi diễn biến rừng tại cơ sở: tiếp nhận, quản lý, cập nhật hồ sơ quản lý rừng; theo dõi biến động tài nguyên rừng trên địa bàn được giao; phối hợp cung cấp số liệu, hồ sơ, bản đồ, hiện trạng rừng phục vụ công tác quản lý, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng, xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, lập kế hoạch sản xuất và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Công ty.

- Tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp theo quy định: tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp, trồng rừng, chăm sóc rừng, khoanh nuôi, phục hồi rừng, khai thác lâm sản, sử dụng rừng và các hoạt động liên quan khác theo quy định của pháp luật, theo phương án sản xuất kinh doanh, phương án quản lý rừng bền vững, hồ sơ thiết kế, dự toán và theo phân công của Công ty.

- Tổ chức phối hợp với chính quyền địa phương, kiểm lâm và các lực lượng liên quan trên địa bàn: phối hợp với UBND cấp xã, Hạt Kiểm lâm khu vực, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng, các ban, ngành liên quan và cộng đồng dân cư để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, quản lý lâm sản, bảo tồn thiên nhiên và xử lý các vấn đề phát sinh trên địa bàn được giao.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao phù hợp với quy định pháp luật: Các Chi nhánh thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm duy trì thông suốt hoạt động điều hành, quản lý tài nguyên rừng, quản lý lao động, tài sản và triển khai nhiệm vụ trên thực địa.

## **2.4. Người quản lý, Kiểm soát viên và người lao động doanh nghiệp**

### **a) Về người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên**

- Số lượng người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên hiện có của 14 Công ty lâm nghiệp là 46 người (03 Chủ tịch Công ty, 11 Chủ tịch kiêm Giám đốc, 03 Giám đốc, 13 Phó Giám đốc, 13 Kế toán trưởng, 03 Kiểm soát viên).

- Số lượng người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai dự kiến là 11 người. Cụ thể, Hội đồng thành viên: 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên là Chủ tịch Hội đồng thành viên, 01 thành viên kiêm Giám đốc, 03 thành viên kiêm Phó Giám đốc; Kế toán trưởng: 01 người; Kiểm soát viên: 03 người.

- Phương án sắp xếp, lựa chọn nhân sự lãnh đạo, quản lý của Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty làm việc theo chế độ bổ nhiệm được cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét từng trường hợp cụ thể để bố trí việc làm khi thực hiện sáp nhập. Trường hợp làm việc theo chế độ bổ nhiệm mà không bố trí được việc làm thì được giải quyết chế độ tinh giản biên chế theo quy định.

### **b) Về người lao động doanh nghiệp**

- Số lượng người lao động hiện có của 14 Công ty lâm nghiệp là 438 người.
- Số lượng lao động cụ thể của từng phòng, chi nhánh trực thuộc do Công ty nhận sáp nhập chủ trì, phối hợp với các Công ty bị sáp nhập thỏa thuận, thống nhất phương án trước khi sáp nhập, trên cơ sở tiếp nhận người lao động của các Công ty lâm nghiệp trước sáp nhập theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Chính sách đối với người lao động khi thực hiện sắp xếp Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể: (i) Người lao động được tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp sau khi chuyển đổi thực hiện giao kết hợp đồng lao động mới; (ii) Người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật về lao động; (iii) Người lao động chấm dứt hợp đồng lao động được hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm, thôi việc theo quy định của pháp luật về lao động hoặc chính sách đối với người lao động dôi dư khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

### **3. Chức năng, nhiệm vụ, tầm nhìn, định hướng phát triển**

**3.1. Chức năng, nhiệm vụ:** Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, kế thừa toàn bộ vốn, tài sản, quyền lợi và nghĩa vụ của các Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh trước sáp nhập. Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai có chức năng quản lý, điều phối hoạt động chung, quản lý vốn và tài sản Nhà nước; đầu tư, chế biến, thương mại lâm sản, tín chỉ các-bon và chuyển giao công nghệ GIS, phòng cháy chữa cháy rừng, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao về quản lý bảo vệ, phát triển rừng tự nhiên, đảm bảo hoạt động thống nhất, hiệu quả và bền vững.

**3.2. Tầm nhìn:** Trở thành doanh nghiệp lâm nghiệp mạnh của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững của tỉnh; định hướng phát triển rừng trồng gỗ lớn gắn với chế biến gỗ và nâng cao giá trị kinh tế rừng, xây dựng chuỗi giá trị lâm nghiệp đồng bộ từ sản xuất giống, trồng rừng, khai thác đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

### **3.3. Định hướng phát triển**

- Xây dựng và phát triển chuỗi giá trị lâm nghiệp đồng bộ, từ sản xuất cây giống, trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng, khai thác, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm; từng bước nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm lâm nghiệp.

- Đối với diện tích rừng trồng sản xuất: Phát triển rừng trồng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị kinh tế; từng bước chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu và đặc điểm sinh thái của từng vùng (sau khi các Công ty lâm nghiệp hoàn thành việc sáp nhập, UBND tỉnh chỉ đạo Công ty TNHH Lâm nghiệp Gia Lai xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phát triển rừng trồng gỗ lớn theo định hướng của Trung ương và của tỉnh, gắn với tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng

rừng trồng và hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp). Đồng thời, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển trồng rừng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trong trồng, chăm sóc và quản lý rừng; chủ động thực hiện các giải pháp quản lý rủi ro, trong đó có trích lập các khoản dự phòng đối với rừng sản xuất là rừng trồng nhằm hạn chế thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn và dịch bệnh.

- Đối với diện tích rừng tự nhiên: Tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn nước; gắn với thực hiện các chính sách an sinh xã hội, tạo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, vùng xa.

- Đẩy mạnh kêu gọi, liên kết đầu tư phát triển kinh tế dưới tán rừng, như: phát triển dược liệu, chăn nuôi dưới tán rừng, khai thác lâm sản ngoài gỗ, du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học, phát triển các dịch vụ môi trường rừng...

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lâm nghiệp, đặc biệt trong quản lý tài nguyên rừng, theo dõi diễn biến rừng, quản lý trồng rừng, truy xuất nguồn gốc gỗ hợp pháp và quản trị doanh nghiệp.

- Phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản, từng bước nâng cao tỷ lệ chế biến sâu, hình thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Xây dựng nguồn nhân lực lâm nghiệp chất lượng cao, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, quản lý rừng bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế (như FSC và các chứng chỉ tương đương).

#### **4. Về cơ chế chính sách đầu tư, sản xuất trong lâm nghiệp**

Hiện nay, các chính sách hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp được quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định mức hỗ trợ chênh lệch lãi suất về hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Gia Lai; đồng thời được lồng ghép tại các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư..., cụ thể một số chính sách như:

- Cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng<sup>4</sup>; cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ<sup>5</sup>; hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng<sup>6</sup>.

- Cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ<sup>7</sup>; hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên<sup>8</sup>.

<sup>4</sup> Điều 5 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

<sup>5</sup> Điều 9 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

<sup>6</sup> Điều 12 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

<sup>7</sup> Điều 10 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

<sup>8</sup> Điều 13 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

- Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ<sup>9</sup>.

- Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn: bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước, tính trên số vốn vay dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hỗ trợ<sup>10</sup>.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường lâm nghiệp và đường băng cản lửa tại những khu rừng sản xuất đối với khu vực trồng rừng sản xuất có quy mô tập trung từ 500 ha trở lên<sup>11</sup>.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững<sup>12</sup>.

- Đối với chủ rừng hợp tác, liên kết với doanh nghiệp chế biến, thương mại lâm sản, được hỗ trợ đầu tư phát triển hợp tác, liên kết trồng rừng sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ lâm sản<sup>13</sup>.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp<sup>14</sup>, cụ thể: xây dựng rừng giống, vườn giống, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng; xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao; xây dựng vườn ươm giống.

- Ngoài ra, đầu tư, sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc lĩnh vực ưu đãi về đầu tư, thuế, thu nhập, đất đai... theo quy định pháp luật chuyên ngành.

## **5. Phương án xử lý chuyển tiếp về sinh kế của các đối tượng khoán rừng khi triển khai Đề án**

Công ty lâm nghiệp sau sắp xếp căn cứ vào các quy định khoán tại Nghị định 168/2016/NĐ-CP của Chính phủ, tổ chức rà soát, phân loại đối tượng khoán, nội dung khoán thực hiện và giải quyết, xử lý các trường hợp nhận khoán theo quy định, cụ thể như sau:

- Trường hợp bên nhận khoán thực hiện đúng hợp đồng khoán, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng thì được tiếp tục nhận khoán đến hết thời hạn theo hợp đồng đã ký.

- Trường hợp bên nhận khoán thực hiện không đúng hợp đồng khoán, sử dụng diện tích được nhận khoán sai mục đích, diện tích khoán bị chuyển nhượng trái pháp Luật, thì bên khoán thanh lý hợp đồng khoán và tổ chức thu hồi diện tích khoán.

## **6. Đánh giá phương án sắp xếp và giải pháp triển khai thực hiện**

### **6.1. Hiệu quả của phương án sắp xếp**

Việc sắp xếp, tổ chức lại 14 Công ty lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý thành 01 Công ty lâm nghiệp nhằm tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp nhà nước, đồng thời tạo điều kiện hình thành doanh nghiệp

<sup>9</sup> Điều 7, 11 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

<sup>10</sup> Điều 15 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

<sup>11</sup> Điều 17 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

<sup>12</sup> Điều 16 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

<sup>13</sup> Điều 18 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

<sup>14</sup> Điều 22 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024.

có quy mô lớn, đủ năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh và phát triển ngành lâm nghiệp theo hướng tập trung, bền vững. Việc sắp xếp dự kiến mang lại các hiệu quả chủ yếu như sau:

STT	Nội dung	Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Hiệu quả sau sắp xếp
01	Tinh gọn đầu mỗi doanh nghiệp và bộ máy quản lý	14 Công ty	01 Công ty	Giảm 13 Công ty.
02	Số lượng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	46 người	11 người	Giảm 35 người; tinh giản bộ máy lãnh đạo, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và tăng cường tính thống nhất trong công tác điều hành.
03	Chi phí quản lý doanh nghiệp			Việc giảm số lượng người quản lý giúp tiết kiệm khoảng 6 tỷ đồng chi phí tiền lương mỗi năm <sup>15</sup> . Giảm các chi phí quản lý, chi phí hành chính và các chi phí vận hành trùng lặp giữa các đơn vị trước đây, từ đó giảm khoảng 20 - 40% chi phí quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.
04	Số lượng phòng ban bên trong, đơn vị trực thuộc	44 phòng ban bên trong; 51 trạm/đội bảo vệ rừng	4 phòng; 4 chi nhánh; 51 trạm/đội bảo vệ rừng	Giảm 36 đầu mỗi phòng ban bên trong, góp phần tinh gọn bộ máy tổ chức, giảm chi phí hành chính và nâng cao hiệu quả phối hợp, điều hành trong nội bộ doanh nghiệp; đồng thời tiếp tục duy trì, củng cố các 51 trạm/đội bảo vệ rừng, thực hiện tốt nhiệm vụ công ích quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên.
05	Vốn đầu tư của nhà nước tại doanh nghiệp	Phân bổ không đồng đều, có sự chênh lệch lớn giữa các đơn vị, cao nhất là 52,5 tỷ đồng và thấp nhất là 2,7 tỷ đồng	01 Công ty lâm nghiệp, với vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng công ty	Tập trung nguồn lực tài chính, nâng cao năng lực đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Quy mô doanh nghiệp lớn hơn cũng tạo điều kiện thuận lợi trong việc huy động vốn tín dụng, thu hút đầu tư và mở rộng liên kết sản xuất kinh doanh.

<sup>15</sup> Tạm tính theo mức bình quân chênh lệch tiền lương giữa người quản lý và người lao động khoảng 156 triệu đồng/người/năm.

06	Tăng hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp		Diện tích rừng và đất lâm nghiệp do các Công ty trước đây quản lý được tập trung về một doanh nghiệp thống nhất quản lý	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch vùng rừng tập trung quy mô lớn; tổ chức phát triển rừng gỗ lớn, tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa trong trồng, chăm sóc và khai thác rừng; nghiên cứu phát triển các mô hình kinh tế dưới tán rừng; qua đó góp phần tăng giá trị kinh tế trên mỗi hecta rừng.
----	--------------------------------------	--	---	---

Sau khi sắp xếp 14 Công ty thành 01 Công ty, giảm đầu mối quản lý 13 Công ty; giảm số lượng phòng ban, đơn vị trực thuộc còn 04 phòng, 04 chi nhánh, 51 trạm/đội bảo vệ rừng. Số lượng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên giảm từ 46 người xuống còn 11 người (giảm 35 người). Dự kiến tiết kiệm khoảng trên 6 tỷ đồng/năm do giảm chi phí tiền lương của người quản lý (khoảng 156 triệu đồng/người/năm). Đây là một nguồn tăng lợi nhuận tương lai của các doanh nghiệp.

## 6.2. Thuận lợi

Việc sắp xếp, tổ chức lại 14 Công ty lâm nghiệp thành 01 Công ty với 04 chi nhánh trực thuộc mang lại nhiều lợi ích quan trọng, cụ thể:

- Tinh gọn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp: giảm số lượng pháp nhân, giảm đầu mối quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành, tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Tăng cường quy mô và năng lực của doanh nghiệp: hình thành doanh nghiệp có quy mô lớn hơn, tạo điều kiện xây dựng chiến lược phát triển dài hạn, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thu hút đầu tư.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai và tài nguyên rừng: tăng khả năng điều phối, sử dụng hiệu quả diện tích rừng, nguồn lao động, cơ sở vật chất và nguồn vốn; khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực.

- Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển rừng trồng gỗ lớn và vùng nguyên liệu tập trung: quản lý thống nhất diện tích rừng giúp quy hoạch phát triển rừng gỗ lớn theo vùng sinh thái, nâng cao chất lượng rừng trồng, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến gỗ.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững: tăng cường sự chỉ đạo, điều hành thống nhất trong quản lý, bảo vệ rừng, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với phát triển địa phương: tạo điều kiện mở rộng liên kết đầu tư, phát triển kinh tế dưới tán rừng, dịch vụ môi trường rừng; góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, vùng xa.

- Hiệu quả về kinh tế: tối ưu hóa nguồn lực về vốn, tài sản và tài chính. Việc tiếp nhận toàn bộ vốn, tài sản, quyền lợi và nghĩa vụ của 14 Công ty lâm nghiệp hiện có giúp hình thành doanh nghiệp có quy mô vốn điều lệ lớn hơn, tạo điều kiện

thuận lợi cho việc huy động nguồn lực đầu tư, mở rộng vùng nguyên liệu, nâng cấp cơ sở chế biến và phát triển các hoạt động kinh doanh lâm sản.

### **6.3. Khó khăn, thách thức**

- Khó khăn trong việc tổ chức, sắp xếp lại bộ máy và nhân sự: sau sáp nhập có thể phát sinh tình trạng dôi dư lao động ở một số vị trí; cần thời gian để ổn định tổ chức, phân công nhiệm vụ và sắp xếp lại đội ngũ người quản lý, người lao động doanh nghiệp.

- Khó khăn trong quá trình sáp nhập về tài chính, tài sản và hồ sơ quản lý: việc rà soát, kiểm kê, thống nhất số liệu về tài chính, tài sản, đất đai và tài nguyên rừng giữa các Công ty trước khi sáp nhập có thể mất nhiều thời gian và công sức.

- Quy mô địa bàn quản lý rộng, phân tán: sau sáp nhập, diện tích rừng và địa bàn quản lý của Công ty lớn hơn, trải rộng trên nhiều khu vực, có thể gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và kiểm tra, giám sát.

- Khác biệt về điều kiện tự nhiên và phương thức tổ chức sản xuất: các Công ty lâm nghiệp trước đây hoạt động ở những khu vực có điều kiện tự nhiên, sinh thái và phương thức sản xuất khác nhau, cần thời gian để xây dựng quy trình quản lý, sản xuất thống nhất.

- Nhu cầu nguồn lực đầu tư lớn: để thực hiện các định hướng phát triển như trồng rừng gỗ lớn, ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển chế biến gỗ và kinh tế dưới tán rừng cần nguồn vốn đầu tư đáng kể trong khi khả năng tích lũy của Công ty còn hạn chế.

- Cần thời gian để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh: trong giai đoạn đầu sau sáp nhập, doanh nghiệp có thể gặp một số khó khăn trong việc điều hành, tổ chức sản xuất và triển khai các kế hoạch phát triển mới.

### **6.4. Giải pháp triển khai thực hiện**

Để khắc phục những khó khăn, thách thức nêu trên và bảo đảm hoạt động ổn định, hiệu quả sau khi sáp nhập, cần triển khai một số giải pháp chủ yếu sau:

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự: xây dựng phương án tổ chức bộ máy của Công ty và các chi nhánh theo hướng tinh gọn, hiệu quả; rà soát, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ người quản lý, người lao động; thực hiện các chính sách đối với lao động dôi dư (nếu có) theo quy định.

- Rà soát, thống nhất quản lý tài chính, tài sản và hồ sơ quản lý rừng: tổ chức kiểm kê, đánh giá, bàn giao đầy đủ tài sản, nguồn vốn, công nợ, đất đai và tài nguyên rừng; chuẩn hóa hệ thống sổ sách, dữ liệu quản lý để bảo đảm minh bạch, thống nhất trong quản trị doanh nghiệp.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành theo mô hình Công ty và chi nhánh: xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động, phân cấp, phân quyền rõ ràng giữa Công ty và các chi nhánh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi diễn biến rừng và quản trị doanh nghiệp.

- Xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp: quy hoạch lại vùng sản xuất, phát triển rừng trồng gỗ lớn, nâng cao chất lượng rừng trồng; đồng

thời phát triển các hoạt động kinh tế dưới tán rừng, dịch vụ môi trường rừng và chế biến lâm sản.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư: chủ động tìm kiếm, thu hút các nguồn vốn đầu tư, tăng cường liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước để phát triển vùng nguyên liệu, chế biến gỗ và các mô hình kinh tế lâm nghiệp bền vững.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và phối hợp với địa phương: phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, lực lượng kiểm lâm và cộng đồng dân cư trong quản lý, bảo vệ rừng; đồng thời gắn phát triển kinh tế lâm nghiệp với tạo sinh kế, nâng cao đời sống cho người dân trên địa bàn.

## **D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. SỞ TÀI CHÍNH**

- Làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện Đề án sắp xếp các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quản lý.

- Chủ trì, thẩm định Hồ sơ sáp nhập của các Công ty lâm nghiệp; tham mưu UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Hồ sơ, quyết định sáp nhập, bao gồm cả các phương án tăng vốn điều lệ (nếu có) theo quy định. Thời gian thực hiện: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị sáp nhập.

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Thời gian thực hiện: sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước.

- Chủ trì, hướng dẫn Công ty lâm nghiệp lập Hồ sơ đề nghị sáp nhập; hướng dẫn thủ tục quản lý và bàn giao tài chính, tài sản, vốn điều lệ Công ty theo quy định.

- Hướng dẫn lập và trình UBND tỉnh phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty lâm nghiệp sau sáp nhập.

- Hướng dẫn Công ty nhận sáp nhập thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

### **II. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh lập Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới Công ty lâm nghiệp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại các Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, số 04/2024/NĐ-CP của Chính phủ, các Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tư số 99/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời tham mưu thành lập Tổ công tác (do lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách lâm nghiệp làm Tổ trưởng, Sở Nông nghiệp và Môi trường làm Tổ phó thường trực) để triển khai thực hiện việc sắp xếp, đổi mới có hiệu quả, nhất là việc quản lý tài sản trước và sau sắp xếp như ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại Kết luận số 121-KL/TU ngày 20/3/2026. Hoàn thành trong tháng 4/2026.

- Hướng dẫn thực hiện hồ sơ, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong quá trình thực hiện Đề án này; phối hợp với các đơn vị liên quan để xác định quyền lợi, nghĩa vụ về tài sản rừng và đất lâm nghiệp.

- Chủ trì, hướng dẫn Công ty thực hiện cơ chế, chính sách sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp lâm nghiệp, quản lý và bảo vệ rừng; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Chủ trì, rà soát, tham mưu điều chỉnh, bổ sung diện tích đất giao Công ty lâm nghiệp sau sáp nhập quản lý trong quá trình thực hiện sắp xếp các Ban quản lý rừng trên địa bàn, cũng như khi triển khai các chương trình, dự án đầu tư, hợp tác với các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Theo dõi, quản lý nhà nước đối với phần diện tích đất rừng sản xuất chuyển về UBND xã Đak Rong quản lý để thực hiện cho thuê rừng để trồng dược liệu dưới tán rừng đảm bảo trình tự theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo Công ty lâm nghiệp sau sáp nhập xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phát triển rừng trồng gỗ lớn theo định hướng của Trung ương và của tỉnh, gắn với tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng và hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp.

### **III. SỞ NỘI VỤ**

Chủ trì, tham mưu đề xuất công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của UBND tỉnh; hướng dẫn chế độ, chính sách đối với người lao động của các Công ty lâm nghiệp trước và sau khi sáp nhập theo quy định.

### **IV. THUẾ TỈNH**

Hướng dẫn các Công ty lâm nghiệp rà soát, xác nhận số tiền thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước mà các Công ty lâm nghiệp đang nợ (nếu có) tính đến thời điểm chuyển đổi hoặc giải thể; hướng dẫn xử lý các nội dung liên quan đến quản lý thuế.

### **V. CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG LIÊN QUAN**

Tham gia phối hợp thẩm định, góp ý, triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Đề án này, đảm bảo tính pháp lý, minh bạch và hiệu quả của toàn bộ quá trình thực hiện.

### **VI. CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP**

- Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn chủ trì, phối hợp với các Công ty bị sáp nhập triển khai lập Hồ sơ đề nghị sáp nhập, trình UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) theo quy định. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong tháng 4/2026.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường lập Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới Công ty lâm nghiệp (trong đó có phương án, kế hoạch sử dụng đất/quản lý, sử dụng tài sản/rừng và nhiệm vụ công ích/tài chính và đầu tư/lao động/khoa học và công nghệ của Công ty lâm nghiệp sau sáp nhập), đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

- Triển khai thực hiện Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới Công ty lâm nghiệp. Thời gian thực hiện: Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện ký kết Hợp đồng sáp nhập và triển khai thực hiện việc sáp nhập theo quy định của pháp luật và nội dung Đề án này. Công ty nhận sáp nhập thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện: Sau khi có Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền.

Trên đây là Đề án sắp xếp các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quản lý. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quy định; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc về UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- CVP, PVPNN, PVPPTH;
- Lưu: VT, N1, N5, T6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**